

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 44
8. Phụ lục	45

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- Điện thoại : (0296) 3834060
- Fax : (0296) 3834054

Công ty có đơn vị trực thuộc là Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, đặt tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin (nguyên liệu để sản xuất vỏ con nhộng chứa thuốc);
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày ;
- Cho thuê nhà, đất không phải để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm và nhà kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Nam Việt trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Doãn Tới	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Bà Doãn Hải Phượng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2022
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2022

Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Chủ tịch	Ngày 13 tháng 6 năm 2022
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Ngày 13 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2007
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020).

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Trần Minh Cảnh – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 400/GUQ-KTTC ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.


CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

Đỗ Lập Nghiệp
CHỦ TỊCH

Ngày 29 tháng 8 năm 2022


CHI MINH


C.T.C.P.
GIANG

Số: 1.1394/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2022, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Nguyễn Minh Trí**
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.395.805.829.859	2.916.543.313.685
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.381.702.594	42.701.081.617
1. Tiền	111		14.381.702.594	7.401.081.617
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	35.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		845.680.000.000	646.490.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	845.680.000.000	646.490.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		486.927.739.831	381.082.083.334
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	374.417.607.273	333.325.402.073
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	113.099.420.519	27.315.356.227
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	2.600.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	32.660.679.901	35.141.776.906
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(35.849.967.862)	(14.700.451.872)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.962.960.042.986	1.779.610.449.264
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.969.358.224.362	1.783.465.697.424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(6.398.181.376)	(3.855.248.160)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		85.856.344.448	66.659.699.470
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	19.393.576.655	11.362.399.484
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		66.462.767.793	55.297.299.986
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.160.543.394.823	1.970.636.527.255
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.016.455.788	13.011.730.352
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	775.000.000	150.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	19.241.455.788	12.861.730.352
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.120.897.212.023	1.046.146.504.946
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	529.585.340.569	553.401.717.110
- Nguyên giá	222		1.600.676.280.012	1.584.024.277.729
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.071.090.939.443)	(1.030.622.560.619)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	235.942.235.326	248.506.968.955
- Nguyên giá	225		264.194.465.292	279.980.613.422
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(28.252.229.966)	(31.473.644.467)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	355.369.636.128	244.237.818.881
- Nguyên giá	228		375.812.008.190	263.021.971.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.442.372.062)	(18.784.152.605)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		832.781.363.934	778.531.417.988
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	832.781.363.934	778.531.417.988
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		82.383.578.301	30.189.824.516
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	30.958.651.015	23.056.019.946
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20.304.000.000	20.304.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(12.079.072.714)	(13.170.195.430)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	43.200.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		104.464.784.777	102.757.049.453
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	96.774.375.326	97.918.620.976
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	7.690.409.451	4.838.428.477
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.556.349.224.682	4.887.179.840.940

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.773.446.143.502	2.551.594.214.788
I. Nợ ngắn hạn	310		2.606.236.754.641	2.336.515.879.518
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	403.473.367.190	197.615.247.141
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	23.535.326.033	44.578.102.703
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	86.223.152.698	19.123.751.904
4. Phải trả người lao động	314	V.18	54.614.119.731	56.068.572.077
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	18.695.023.612	7.309.076.735
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		55.728.607	139.321.513
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	21.093.691.785	173.800.365.465
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1.998.262.365.680	1.837.513.462.675
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	283.979.305	367.979.305
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		167.209.388.861	215.078.335.270
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		9.417.047.255	1.007.142.384
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	157.686.548.847	210.258.315.036
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	105.792.759	3.812.877.850
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

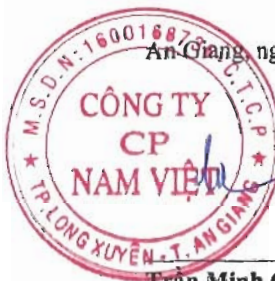
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.782.903.081.180	2.335.585.626.152
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.782.903.081.180	2.335.585.626.152
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	1.275.396.250.000	1.275.396.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.275.396.250.000	1.275.396.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	21.489.209.100	21.489.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24	(27.587.629.848)	(27.587.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	1.513.605.251.928	1.066.287.796.900
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.066.287.796.900	1.066.287.796.900
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		447.317.455.028	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.556.349.224.682	4.887.179.840.940



Nguyễn Hà Thu Diễm
Người lập/Kế toán trưởng



An Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.525.308.928.283	1.788.054.369.682
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	11.623.095.184	7.827.274.383
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.513.685.833.099	1.780.227.095.299
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.700.131.464.896	1.499.772.016.835
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		813.554.368.203	280.455.078.464
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	27.890.004.823	14.643.598.046
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	69.198.925.409	55.404.418.347
Trong đó: chi phí lãi vay	23		46.194.824.359	50.177.728.636
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	(97.368.931)	(178.533.769)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	210.350.911.957	129.233.402.199
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	55.052.866.872	18.009.303.100
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		506.744.299.857	92.273.019.095
12. Thu nhập khác	31	VI.8	4.511.711.797	6.560.028.759
13. Chi phí khác	32		1.348.464.647	41.949.384
14. Lợi nhuận khác	40		3.163.247.150	6.518.079.375
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		509.907.547.007	98.791.098.470
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	69.149.158.044	14.723.831.081
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14, V.23	(6.559.066.065)	(3.474.172.801)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		447.317.455.028	87.541.440.190
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		447.317.455.028	87.541.440.190
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3.519	689
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	3.519	689

An Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2022



Nguyễn Hà Thu Diễm
Người lập/Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		509.907.547.007	98.791.098.470
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	60.776.778.105	60.929.374.030
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7, V.8	22.601.326.490	(5.657.318.475)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	11.818.765.065	(236.771.441)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b, VI.4, VI.8	(19.706.631.731)	(8.384.268.448)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	46.194.824.359	50.177.728.636
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		631.592.609.295	195.619.842.772
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(69.910.742.647)	92.542.642.790
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(185.892.526.938)	(16.458.176.241)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		153.169.773.831	(355.119.252.559)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.886.931.521)	(5.864.930.497)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(565.611.282)
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(34.611.793.527)	(49.063.766.055)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(13.238.454.542)	(39.813.495.499)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(84.000.000)	(35.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		474.137.933.951	(178.757.746.571)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.12, V.13, VII	(210.760.219.753)	(148.512.919.043)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8	31.544.956.332	21.626.973.789
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a, V.5	(896.270.000.000)	(486.933.462.027)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a, V.5	650.655.000.000	289.804.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(8.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	125.026.143.290
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.4	18.005.703.087	13.053.418.773
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(414.824.560.334)	(185.935.845.218)


CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21, V.II	2.135.423.182.722	2.438.357.582.399
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(2.034.922.884.330)	(2.050.202.952.692)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(30.711.012.321)	(17.114.247.083)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(156.847.463.948)	(20.856.801.315)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(87.058.177.877)</i>	<i>350.183.581.309</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(27.744.804.260)	(14.510.010.480)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	42.701.081.617	43.798.851.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(574.574.763)	(47.612.034)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>14.381.702.594</u>	<u>29.241.228.671</u>


Nguyễn Hà Thu Diễm
Người lập/Kế toán trưởng

An Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2022


Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc


CÔNG TY
CỔ PHẦN
NAM VIỆT
TP. LONG XUYỀN
AN GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng lượng mặt trời; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tình hình kinh tế đang phục hồi sau đại dịch covid-19, xuất khẩu cá tra tăng trưởng làm doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 08 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn đã tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản Nam Việt và Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt cùng với tỷ lệ góp vốn là 100% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh của các công ty này là kinh doanh bất động sản và sản xuất thức ăn thủy sản.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bất động sản Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản	100%	-	100%	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Sản xuất thức ăn thủy sản	100%	-	100%	-

6c. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất collagen, genlatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50% (số đầu năm là 50%).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 18

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị thuê tài chính là 04 - 16 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận chỉ số điện giữa Tập đoàn và Điện lực.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	451.064.315	322.432.480
Tiền gửi ngân hàng	13.930.638.279	7.078.649.137
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	-	35.300.000.000
Cộng	<u>14.381.702.594</u>	<u>42.701.081.617</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	845.680.000.000	845.680.000.000	646.490.000.000	646.490.000.000
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	43.200.000.000	43.200.000.000	-	-
Cộng	<u>888.880.000.000</u>	<u>888.880.000.000</u>	<u>646.490.000.000</u>	<u>646.490.000.000</u>

Khoản tiền gửi ngân hàng với số tiền là 692.080.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam, Ngân hàng United Overseas Bank và Ngân hàng TNHH MTV Woori (xem thuyết minh số V.21) và thực hiện hợp đồng với Điện lực Châu Phú.

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	31.240.000.000	23.240.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(281.348.985)	(183.980.054)
Cộng	<u>30.958.651.015</u>	<u>23.056.019.946</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trong kỳ, Tập đoàn đầu tư thêm vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt 8.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 31.240.000.000 VND tương đương 50% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	23.056.019.946	22.947.678.199
Góp vốn	8.000.000.000	-
Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	(97.368.931)	(178.533.769)
Số cuối kỳ	30.958.651.015	22.769.144.430

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh

Công ty TNHH Amicogen Nam Việt đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

Giao dịch với công ty liên doanh

Trong kỳ, Tập đoàn phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Amicogen Nam Việt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn	8.000.000.000	-
Doanh thu thi công công trình	22.499.030.000	-
Doanh thu cho thuê	192.000.000	-
Doanh thu bán vật tư	17.018.182	-

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn đầu tư 2.030.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa, chiếm tỷ lệ 5,08% vốn điều lệ của công ty này.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	13.170.195.430	19.799.611.431
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.326.756.020
Hoàn nhập dự phòng	(1.091.122.716)	-
Xóa sổ dự phòng do chuyển nhượng đầu tư	-	(7.416.000.000)
Số cuối kỳ	12.079.072.714	13.710.367.451

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	8.929.620.928	1.136.392.231
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	8.590.660.382	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương	338.960.546	1.136.392.231
Phải thu các khách hàng khác	365.487.986.345	332.189.009.842
Các khách hàng nước ngoài	319.710.905.191	288.335.160.218
Các khách hàng trong nước	45.777.081.154	43.853.849.624
Cộng	374.417.607.273	333.325.402.073

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>11.984.826.140</i>	<i>12.703.810.162</i>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	11.984.826.140	12.703.810.162
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>101.114.594.379</i>	<i>14.611.546.065</i>
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.826.495.200	457.690.850
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	6.055.424.061	1.664.053.500
Các nhà cung cấp trong nước khác	93.232.675.118	12.489.801.715
Cộng	113.099.420.519	27.315.356.227

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho Ông Nguyễn Văn Bầy vay	600.000.000	-
Cho Ông Trương Hồng Tư vay	1.000.000.000	-
Cho Ông Lê Quốc Ôn vay	1.000.000.000	-
Cộng	2.600.000.000	-

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho Ông Nguyễn Văn Thốc vay	775.000.000	-
Cho Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung vay	-	150.000.000
Cộng	775.000.000	150.000.000

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.528.253.620</i>	<i>-</i>	<i>300.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt – Ký quỹ	300.000.000	-	300.000.000	-
Ông Doãn Chí Thiên – Tạm ứng	22.306.940	-	-	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Tạm ứng	49.999.200	-	-	-
Ông Nguyễn Thanh Liêm – Tạm ứng	4.139.100.000	-	-	-
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy – Tạm ứng	16.847.480	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>28.132.426.281</i>	<i>(494.205.315)</i>	<i>34.841.776.906</i>	<i>(494.205.315)</i>
Tạm ứng	3.715.991.967	(494.205.315)	11.649.392.823	(494.205.315)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.907.068.392	-	8.367.162.638	-
Tiền lãi cho vay	48.526.030	-	710.137	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.780.000	-	32.780.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	15.458.059.892	-	14.791.731.308	-
Cộng	32.660.679.901	(494.205.315)	35.141.776.906	(494.205.315)

6b. Phải thu dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	
Phải thu tiền bán hàng		77.597.014.482		30.107.447.082	15.901.200.525
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	35.955.879.300	25.169.115.510	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	22.329.400.000	15.630.580.000
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	34.029.408.100	17.014.704.050	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	357.761.250	178.880.625
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	191.441.250	57.432.375	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	305.799.667	91.739.900
Quá hạn trên 03 năm	7.420.285.832	-	Quá hạn trên 03 năm	7.114.486.165	-
Phải thu khác		988.410.630	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	988.410.630	494.205.315
Cộng		78.585.425.112		31.095.857.712	16.395.405.840

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	14.700.451.872	14.677.464.881
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	21.149.515.990	(8.297.106.866)
Số cuối kỳ	35.849.967.862	6.380.358.015

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	9.871.592.000	-	6.315.692.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	248.352.799.672	-	186.803.389.087	-
Công cụ, dụng cụ	6.247.036.880	-	6.769.967.544	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	881.141.157.357	-	1.079.661.107.729	-
Thành phẩm	775.119.926.956	(6.398.181.376)	437.118.654.403	(3.855.248.160)
Hàng gửi đi bán	48.625.711.497	-	66.796.886.661	-
Cộng	1.969.358.224.362	(6.398.181.376)	1.783.465.697.424	(3.855.248.160)

Hàng tồn kho có trị giá 129.823.420.080 VND (số đầu năm là 130.514.428.089 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.855.248.160	4.069.310.138
Trích lập dự phòng bổ sung	2.542.933.216	1.313.032.371
Số cuối kỳ	6.398.181.376	5.382.342.509

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	312.183.333	1.248.733.333
Công cụ, dụng cụ	6.019.520.197	1.763.494.066
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.061.873.125	8.350.172.085
Cộng	19.393.576.655	11.362.399.484

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	54.976.269.434	55.852.557.158
Công cụ, dụng cụ	2.192.204.388	3.824.505.966
Chi phí sửa chữa	6.966.071.495	3.882.808.529
Khoản lỗ của tài sản bán và thuê lại	19.632.294.258	20.315.633.346
Các chi phí trả trước dài hạn khác	13.007.535.751	14.043.115.977
Cộng	96.774.375.326	97.918.620.976

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	369.579.321.547	964.681.400.330	131.375.578.874	14.478.832.340	103.909.144.638	1.584.024.277.729
Mua trong kỳ	-	16.603.084.093	5.146.514.837	246.118.182	189.145.455	22.184.862.567
Đầu tư XDCB hoàn thành	99.030.209	2.700.000	450.505.702	-	-	552.235.911
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	46.120.878.534	-	-	-	46.120.878.534
Thanh lý, nhượng bán	-	(51.753.906.320)	(452.068.409)	-	-	(52.205.974.729)
Số cuối kỳ	369.678.351.756	975.654.156.637	136.520.531.004	14.724.950.522	104.098.290.093	1.600.676.280.012
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	245.563.500.214	461.493.265.332	46.186.788.392	8.847.289.809	3.897.305.359	765.988.149.106
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	295.604.700.703	618.727.776.671	69.785.516.874	10.645.889.861	35.858.676.510	1.030.622.560.619
Khấu hao trong kỳ	6.957.345.935	26.816.921.450	6.455.276.922	578.162.508	5.080.105.435	45.887.812.250
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	16.452.160.899	-	-	-	16.452.160.899
Thanh lý, nhượng bán	-	(21.419.525.916)	(452.068.409)	-	-	(21.871.594.325)
Số cuối kỳ	302.562.046.638	640.577.333.104	75.788.725.387	11.224.052.369	40.938.781.945	1.071.090.939.443
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	73.974.620.844	345.953.623.659	61.590.062.000	3.832.942.479	68.050.468.128	553.401.717.110
Số cuối kỳ	67.116.305.118	335.076.823.533	60.731.805.617	3.500.898.153	63.159.508.148	529.585.340.569
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 84.844.997.175 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh số V.21).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.980.613.422	31.473.644.467	248.506.968.955
Thuê tài chính trong kỳ	30.334.730.404		
Mua tại tài sản cố định thuê tài chính	(46.120.878.534)	(16.452.160.899)	
Khấu hao trong kỳ		13.230.746.398	
Số cuối kỳ	264.194.465.292	28.252.229.966	235.942.235.326

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	262.740.980.486	280.991.000	263.021.971.486
Mua trong kỳ	112.790.036.704	-	112.790.036.704
Số cuối kỳ	375.531.017.190	280.991.000	375.812.008.190

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	643.380.000	280.991.000	924.371.000
---------------------------------------	-------------	-------------	-------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	18.503.161.605	280.991.000	18.784.152.605
Khấu hao trong kỳ	1.658.219.457	-	1.658.219.457
Số cuối kỳ	20.161.381.062	280.991.000	20.442.372.062

Giá trị còn lại

Số đầu năm	244.237.818.881	-	244.237.818.881
Số cuối kỳ	355.369.636.128	-	355.369.636.128

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 102.557.736.544 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	18.726.266.176	116.972.117.614	(126.339.363.454)	-	9.359.020.336
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	742.602.036.960	62.403.403.356	(552.235.911)	(416.960.696)	804.036.243.709
Dự án khu nuôi trồng thủy sản Bình Phú	576.365.517.861	9.503.281.876	-	-	585.868.799.737
Tiền mua đất	565.173.927.263	8.489.956.440	-	-	573.663.883.703
Chi phí xây dựng các hạng mục công trình	10.539.048.206	676.445.536	-	-	11.215.493.742
Chi phí đào ao	652.542.392	336.879.900	-	-	989.422.292
Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất	155.205.237.156	46.732.629.765	-	(11.020.000)	201.926.846.921

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	2.125.986.815	1.977.620.734	-	-	4.103.607.549
Nhà máy chế biến thức ăn	259.458.532	-	-	-	259.458.532
Dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời	5.751.811.364	-	-	-	5.751.811.364
Các hạng mục khác	2.894.025.232	4.189.870.981	(552.235.911)	(405.940.696)	6.125.719.606
Sửa chữa lớn tài sản cố định	17.203.114.852	2.526.171.569	-	(343.186.532)	19.386.099.889
Cộng	778.531.417.988	181.901.692.539	(126.891.599.365)	(760.147.228)	832.781.363.934

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do giao dịch bán hàng tồn kho trong Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	4.838.428.477	4.833.250.000
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	2.851.980.974	1.749.250.000
Số cuối kỳ	7.690.409.451	6.582.500.000

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% - 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	58.645.998.668	1.879.935.804
Ông Doãn Chí Thanh	55.000.000.000	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương	3.624.998.668	1.879.935.804
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	21.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	344.827.368.522	195.735.311.337
Các nhà cung cấp trong nước	330.144.468.059	185.095.203.949
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	5.471.988.814	2.808.254.300
Các nhà cung cấp nước ngoài	9.210.911.649	7.831.853.088
Cộng	403.473.367.190	197.615.247.141

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	54.000.000	11.056.568.772
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	54.000.000	-
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	-	11.056.568.772
Trả trước của các khách hàng khác	23.481.326.033	33.521.533.931
Các khách hàng trong nước	5.104.475.300	13.563.576.566
Các khách hàng nước ngoài	18.376.850.733	19.957.957.365
Cộng	23.535.326.033	44.578.102.703

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.914.625.647	27.123.149.902	(20.102.212.472)	9.935.563.077
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	61.008.031	(61.008.031)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	27.119.438	(27.119.438)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.116.012.270	69.149.158.044	(13.238.454.542)	69.026.715.772
Thuế thu nhập cá nhân	2.959.936.761	10.097.044.317	(5.856.156.775)	7.200.824.303
Thuế tài nguyên	12.660.560	64.682.080	(65.499.760)	11.842.880
Tiền thuê đất	120.516.666	-	(72.310.000)	48.206.666
Các loại thuế khác	-	20.000.000	(20.000.000)	-
Cộng	19.123.751.904	106.542.161.812	(39.442.761.018)	86.223.152.698

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu	
+ Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân	Không chịu thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho tổ chức	Không kê khai, tính thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho cá nhân	5%
- Sản phẩm, dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	70.000.231.014	14.058.890.820
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(851.072.970)	664.940.261
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	69.149.158.044	14.723.831.081

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức $4.000 \text{ VND/m}^3 \times 8\%$.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Lương còn phải trả nhân viên.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>11.766.388.552</i>	<i>216.986.301</i>
Bà Dương Thị Kim Hương – Lãi vay phải trả	-	216.986.301
Ông Doãn Tới – Lãi vay phải trả	11.766.388.552	-
<i>Phải trả các các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.928.635.060</i>	<i>7.092.090.434</i>
Chi phí lãi vay	2.045.129.921	2.011.501.340
Chi phí cước tàu	1.027.700.000	1.855.592.000
Chi phí hoa hồng môi giới	3.498.437.139	2.912.629.094
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	357.368.000	312.368.000
Cộng	<u>18.695.023.612</u>	<u>7.309.076.735</u>

20. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>156.786.578.947</i>
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	-	139.566.578.947
Ông Doãn Chí Thanh - Cổ tức phải trả	-	17.160.000.000
Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả	-	60.000.000
<i>Phải trả các các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>21.093.691.785</i>	<i>17.013.786.518</i>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	9.486.054.712	7.313.753.259
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.313.430.000	2.417.530.000
Cổ tức phải trả	2.040.096.098	2.100.981.099
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.254.110.975	5.181.522.160
Cộng	<u>21.093.691.785</u>	<u>173.800.365.465</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>589.886.923.400</i>	<i>510.110.473.400</i>
Vay Ông Doãn Tới ^(a)	589.886.923.400	470.110.473.400
Vay Bà Dương Thị Kim Hương	-	40.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.408.375.442.280</i>	<i>1.327.402.989.275</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.349.798.506.179	1.239.577.442.880
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(b)	355.279.131.645	264.497.902.879
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(c)	210.433.035.592	125.110.555.090
Vay Ngân hàng United Overseas Bank ^(d)	56.819.554.830	113.396.408.100
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ^(e)	28.222.771.500	88.518.988.200
Vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam ^(f)	474.463.242.000	456.627.479.650
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông ^(g)	96.232.312.000	78.624.432.250
Vay Ngân hàng TNHH MTV Worri Việt Nam ^(h)	44.100.960.000	68.295.000.000
Vay Ngân hàng TNHH CTBC ⁽ⁱ⁾	62.117.038.013	8.896.822.712
Vay Ngân hàng BPCE IOM ^(j)	10.445.985.000	23.925.378.400
Vay Ngân hàng Chính sách Xã hội ^(k)	11.684.475.599	11.684.475.599
Vay ngắn hạn tổ chức khác	3.313.808.210	5.733.808.210
Vay ngắn hạn cá nhân khác		15.300.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	9.999.999.996	19.101.519.996
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	45.263.127.895	47.690.218.189
Cộng	<u>1.998.262.365.680</u>	<u>1.837.513.462.675</u>

(a) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8), quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12).

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 08 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12).

(d) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.

(e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ thời hạn vay 06 tháng.

(f) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).

(g) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (h) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH CTBC không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (j) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (l) Khoản vay Ngân hàng Chính sách Xã hội Quận Thốt Nốt để trả lương phục hồi sản xuất tháng với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay 11 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.239.577.442.880	1.976.123.182.722	-	12.178.734.909	(1.878.080.854.332)	1.349.798.506.179
Vay ngắn hạn các tổ chức	5.733.808.210	1.500.000.000	-	-	(3.920.000.000)	3.313.808.210
Vay ngắn hạn các cá nhân	525.410.473.400	157.800.000.000	-	-	(93.323.550.000)	589.886.923.400
Vay dài hạn đến hạn trả	19.101.519.996	-	4.999.999.998	-	(14.101.519.998)	9.999.999.996
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	47.690.218.189	-	28.283.922.027	-	(30.711.012.321)	45.263.127.895
Cộng	1.837.513.462.675	2.135.423.182.722	33.283.922.025	12.178.734.909	(2.020.136.936.651)	1.998.262.365.680

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	31.666.666.674	82.163.626.672
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	45.496.960.000
Vay Ngân hàng United Overseas Bank ⁽ⁱ⁾	31.666.666.674	36.666.666.672
Vay dài hạn cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	200.000.000	200.000.000
Nợ thuê tài chính	125.819.882.173	127.894.688.364
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	80.264.676.132	71.982.600.908
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	37.710.763.448	43.347.500.530
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị	1.677.776.732	4.085.421.363
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	6.166.665.861	8.479.165.563
Cộng	157.686.548.847	210.258.315.036

- (i) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để tái tài trợ lên đến 60% chi phí mua thiết bị, dụng cụ, chi phí xây dựng và các chi phí mềm khác liên quan đến 8 cụm điện mặt trời với tổng công suất 08MW với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tất cả các khoản phải thu từ EVN và người mua điện, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2), tài sản cố định được tài trợ thuộc sở hữu bởi bên vay (xem thuyết minh số V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	41.666.666.670	9.999.999.996	31.666.666.674	-
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	171.083.010.068	45.263.127.895	125.819.882.173	-
Cộng	212.949.676.738	55.263.127.891	157.486.548.847	200.000.000
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	101.265.146.668	19.101.519.996	73.072.746.672	9.090.880.000
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	175.584.906.553	47.690.218.189	127.647.685.582	247.002.782
Cộng	277.050.053.221	66.791.738.185	200.720.432.254	9.537.882.782

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	82.163.626.672	-	(45.496.960.000)	(4.999.999.998)	50.047.720.000
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	127.894.688.364	26.209.115.836	-	(28.283.922.027)	125.819.882.173
Cộng	210.258.315.036	26.209.115.836	(45.496.960.000)	(33.283.922.025)	157.686.548.847

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	204.348.145	(84.000.000)	120.348.145
Cộng	367.979.305	(84.000.000)	283.979.305

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến xử lý khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	3.812.877.850	2.109.418.735
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(3.707.085.091)	(1.724.922.801)
Số cuối kỳ	105.792.759	384.495.934

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Doãn Tới	718.050.000.000	718.050.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	171.600.000.000	171.600.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	91.499.990.000	121.599.990.000
Các cổ đông khác	290.128.760.000	260.028.760.000
Cộng	<u>1.271.278.750.000</u>	<u>1.271.278.750.000</u>

24c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	127.539.625	127.539.625
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	127.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu phổ thông	127.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	127.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu phổ thông	127.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 78/NQ.ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 6 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ đã thông qua việc chia cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 10%/mệnh giá, tương đương số tiền là 127.127.875.000 VND. Khoản cổ tức phải trả này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do chưa có Thông báo chi trả cổ tức chính thức của Hội đồng quản trị Công ty mẹ.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

25a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	214.304,08	99.615,50
Euro (EUR)	15.740,22	3.860,55
Dollar Úc (AUD)	396,68	5.601,44
Rub Nga (RUB)	754,00	-

25b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Khách hàng nước ngoài	9.429.672,13	182.042.547.939	9.429.672,13	182.042.547.939
Khách hàng trong nước		20.834.599.657		20.834.599.657
Cộng		<u>202.877.147.596</u>		<u>202.877.147.596</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	2.443.244.402.479	1.724.579.263.909
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	56.804.110.230	56.863.775.544
Doanh thu thi công công trình xây lắp	11.241.005.909	-
Doanh thu khác	14.019.409.665	6.611.330.229
Cộng	2.525.308.928.283	1.788.054.369.682

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	3.268.141.842	2.768.574.944
Doanh thu khác	53.340.000	27.007.140
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed		
Doanh thu bán thành phẩm	140.300.000	56.371.946.480
Doanh thu khác	-	150.442.500
Ông Doãn Tới		
Doanh thu khác	-	40.595.260

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	9.724.181.318	2.171.293.225
Giảm giá hàng bán	1.898.913.866	5.655.981.158
Cộng	11.623.095.184	7.827.274.383

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.675.430.869.452	1.478.978.972.203
Giá vốn của điện năng lượng mặt trời	16.056.895.982	13.708.746.899
Giá vốn thi công công trình xây lắp	2.839.340.611	-
Giá vốn khác	3.261.425.635	5.771.265.362
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.542.933.216	1.313.032.371
Cộng	1.700.131.464.896	1.499.772.016.835

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	18.531.054.453	9.990.051.588
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.245.493	14.742.772
Lãi tiền cho vay	62.370.281	77.589
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.929.477.839	2.358.523.670
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	280.506.955
Lãi bán hàng trả chậm	268.428.942	926.922.266
Doanh thu hoạt động tài chính khác	84.427.815	1.072.773.206
Cộng	27.890.004.823	14.643.598.046

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	46.194.824.359	50.177.728.636
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.254.870.960	1.939.282.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	11.818.765.065	43.735.514
Lỗ nhượng bán, thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	1.862.257.600
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	(1.091.122.716)	1.326.756.020
Chi phí tài chính khác	21.587.741	54.657.777
Cộng	69.198.925.409	55.404.418.347

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.281.647.001	3.088.636.223
Chi phí vật liệu, bao bì	113.976.954	125.221.560
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	141.340.960	151.160.505
Chi phí hoa hồng	21.481.551.566	12.298.172.034
Chi phí vận chuyển	164.027.084.357	92.821.946.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.877.747.635	18.992.764.785
Các chi phí khác	1.427.563.484	1.755.500.630
Cộng	210.350.911.957	129.233.402.199

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	18.173.360.782	14.088.290.009
Chi phí vật liệu quản lý	900.040.748	723.659.108
Chi phí đồ dùng văn phòng	573.957.711	489.995.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.084.776.070	873.004.996
Thuế, phí và lệ phí	3.050.170.994	2.326.957.842
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	21.149.515.990	(8.297.106.866)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.444.078.539	1.362.276.385
Các chi phí khác	8.676.966.038	6.442.226.503
Cộng	55.052.866.872	18.009.303.100

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.210.575.928	434.930.640
Thu bồi thường	2.415.027.301	5.063.930.790
Thu nhập khác	886.108.568	1.061.167.329
Cộng	4.511.711.797	6.560.028.759

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	447.317.455.028	87.541.440.191
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	447.317.455.028	87.541.440.191
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	127.127.875	127.127.875
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.519	689

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.922.058.650.838	1.281.629.106.401
Chi phí nhân công	335.885.445.247	282.549.941.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.776.778.105	60.929.374.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	339.974.341.354	267.028.443.090
Chi phí khác	61.853.989.802	20.773.284.046
Cộng	3.720.549.205.346	1.912.910.149.242

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Kết chuyển nợ phải trả thành nợ thuê tài chính	-	17.784.208.824
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	24.267.694.663	-
Thuế VAT khấu trừ thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	1.941.421.173	-

Số dư các khoản công nợ liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Số cuối kỳ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	69.486.766.072	15.979.834.681
Ứng trước mua tài sản	73.167.215.239	4.744.180.964

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng) Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Doãn Tới		
Tập đoàn đi vay	157.800.000.000	301.505.950.000
Lãi vay	17.833.599.078	7.485.348.572
Tập đoàn chia cổ tức	-	-
Bà Dương Thị Kim Hương		
Lãi vay	1.184.859.409	4.604.715.212
Ông Doãn Chí Thanh		
Lãi vay	-	1.509.861.308
Tạm ứng	-	500.000.000
Các thành viên chủ chốt		
Tạm ứng	4.448.862.417	320.000.000
Ông Doãn Chí Thiên		
Tập đoàn đi vay	-	40.500.000.000
Lãi vay	-	518.308.723
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Ông Doãn Chí Thanh		
Mua đất	110.000.000.000	-
Ông Doãn Chí Thiên		
Tạm ứng	771.637.000	-
Ông Doãn Quốc Hội		
Cho vay	700.000.000	-
Lãi cho vay	8.189.041	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a, V.15, V.19, V.20 và V.21a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm toán nội bộ

	<u>Cộng thu nhập</u>
Kỳ này	
Ông Đỗ Lập Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	423.735.596
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	234.328.596
Bà Dương Thị Kim Hương - Phó Tổng Giám đốc	51.261.969
Ông Trần Minh Cảnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	474.918.318
Ông Nguyễn Văn Vỹ - Phó Tổng Giám đốc	304.948.969
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Phó Tổng Giám đốc - Bỏ nhiệm ngày 09/03/2022	140.123.646
Ông Nguyễn Văn Dương - Giám Đốc Tài Chính - Bỏ nhiệm ngày 21/03/2022	199.851.300
Bà - Đỗ Thị Thanh Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán - Bỏ nhiệm TV HĐQT ngày 11/06/2022	49.030.000
Bà Huỳnh Thị Kim Thoa - Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 21/03/2022	171.963.680
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm - Kế toán trưởng - Bỏ nhiệm ngày 21/03/2022	173.130.700
Bà Nguyễn Thị Minh Ý - Thành viên độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	60.000.000
Bà Doãn Hải Phượng - Thành viên độc lập kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán - Miễn nhiệm ngày 11/06/2022	60.000.000
Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng ban kiểm toán nội bộ	200.586.175
Ông Dương Minh Phong - Thành viên ban kiểm toán nội bộ	113.574.680
Cộng	<u>2.657.453.629</u>
Kỳ trước	
Ông Đỗ Lập Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	453.127.070
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	197.774.958
Ông Doãn Chí Thanh - Thành viên Hội đồng quản trị - Miễn nhiệm ngày 30/6/2021	317.807.070
Ông Doãn Chí Thiên - Thành viên Hội đồng quản trị - Miễn nhiệm ngày 30/6/2021	309.698.070
Bà Dương Thị Kim Hương - Phó Tổng Giám đốc	51.043.292
Ông Trần Minh Cảnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc - Bỏ nhiệm TV HĐQT ngày 30/6/2021	226.086.240
Ông Nguyễn Văn Vỹ - Phó Tổng Giám đốc	225.448.899
Bà Huỳnh Thị Kim Thoa - Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	322.176.810
Ông Nguyễn Anh Đức - Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 12/5/2021	55.028.988
Bà Nguyễn Thị Minh Ý - Thành viên độc lập - Kiểm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	60.000.000
Bà Doãn Hải Phượng - Thành viên độc lập - Kiểm Thành viên Ủy ban kiểm toán	60.000.000
Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng ban kiểm toán nội bộ	115.550.265
Ông Dương Minh Phong - Thành viên ban kiểm toán nội bộ	102.942.177
Ông Nguyễn Trọng Hữu - Thành viên ban kiểm toán nội bộ -Miễn nhiệm ngày 12/07/2021	4.000.000
Cộng	<u>2.500.683.839</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	Công ty do con của Tổng Giám đốc thành lập
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 Núi	Công ty do Phó Tổng Giám Đốc thành lập

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Mua tài sản cố định	277.777.778	-
Thuê kho, tiền điện	11.165.930.502	9.490.761.734
Phí sử dụng hạ tầng	243.694.051	203.422.464
Thu hộ	2.956.116.598	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed		
Lãi bán hàng trả chậm	-	302.392.970
Mua dịch vụ khác	40.090.908	44.545.453
Thu hộ	-	1.303.434
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 Núi		
Mua sản phẩm, vật tư	83.930.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6a, V.15 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	1.779.709.773.719	1.288.934.643.411
Trong nước	733.976.059.380	491.292.451.888
Cộng	2.513.685.833.099	1.780.227.095.299


2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu nằm trong lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến thủy sản với tỷ trọng doanh thu chiếm hơn 97% (cùng kỳ năm trước 96%).

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

An Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2022


Nguyễn Hà Thu-Điểm
Người lập biểu/ Kế toán trưởng


Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

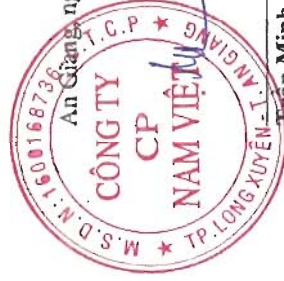
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.064.676.474.168	2.333.974.303.420
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	87.541.440.190	87.541.440.190
Số dư cuối kỳ trước	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.152.217.914.358	2.421.515.743.610
Số dư đầu năm nay	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.066.287.796.900	2.335.585.626.152
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	447.317.455.028	447.317.455.028
Số dư cuối kỳ này	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.513.605.251.928	2.782.903.081.180

Nguyễn Hà Thu Diễm
Người lập/Kế toán trưởng



An Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc



Số : 2370 /CV-KTTC
Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận
hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm trước"

An Giang, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất như sau:

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022 đạt 447,3 tỷ đồng, tăng 359,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất 6 tháng đầu năm đạt 2.513 tỷ đồng, tăng 41,2% so với cùng kỳ năm trước do sản lượng tăng, giá bán tăng. Dẫn đến lợi nhuận gộp hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022 đạt 813,5 tỷ đồng, tăng 533 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.
- Chi phí bán hàng 6 tháng đầu năm 2022 tăng 81 tỷ đồng (62,8%) do giá vận chuyển, cước tàu tăng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 37 tỷ so với cùng kỳ năm trước.

Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Nhu trên
- Ban TGD
- Lưu VT

KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Cảnh